TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19**/2022/HS-ST
Ngày: 02/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Việt Dũng

Ông Nguyễn Thế Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: ông Đinh Ngọc Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường A – Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HS ngày 02/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/HSST-QĐ ngày 17/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Thân Đức T**, sinh năm 1982, tại Thành phố H, Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Nơi cư trú: Số 268/6 N, phường 12, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Họ tên cha: Thân B (đã chết); Họ tên mẹ: Phan Thị Ngọc S, sinh năm 1957; Bị cáo là con thứ 02 trong gia đình có 03 anh chị em; Bị cáo có vợ tên Tạ Thị Thu T1, sinh năm 1995, bị cáo có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 18/03/2022 đến nay.

2. Họ tên: **Huỳnh Nhứt T2**, sinh năm 1969, tại Đồng Nai, Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; nơi cư trú: Số 2P cư xá P, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Họ tên cha: Huỳnh Chí K (đã chết); Họ tên mẹ: Lâm Thị N (đã chết); Bị cáo là con thứ năm trong gia đình có 07 anh chị em; bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị H, sinh năm 1970; có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1993 con nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 17/8/2022 đến nay.

3. Họ tên: **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1970, tại Đồng Nai, Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; nơi cư trú: Số 2P cư xá P, khu phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Họ tên cha: Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1935; Họ tên mẹ: Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm 1938; Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 chị em; bị cáo có chồng tên Huỳnh Nhứt T2, sinh năm 1969; có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1993 con nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 17/8/2022 đến nay.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

** Người bào chữa cho bị cáo Thân Đức T:*

Ông **Nguyễn Minh C**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Phường P, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Là Luật sư của Văn phòng luật sư Đ thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo thư yêu cầu Luật sư ngày 19/04/2022)

** Giám định viên:*

Ông **Huỳnh Ái Q**, chức vụ Phó trưởng phòng, Phòng Thanh tra – kiểm tra thuế số 3, công chức Thuế *thuộc Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.*

** Nguyên đơn dân sự:*

Chi cục Thuế khu vực Trảng Bom - Thống Nhất

Đại diện: Ông **Nguyễn Thành L** – Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Trảng Bom - Thống Nhất.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Tiến D** – đội trưởng đội kiểm tra thuế số 3.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty KNT VINA:

Đại diện: Anh **Lê Xuân D**, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số B33, tổ 7, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Chị **Tạ Thị Thu T1**, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Số 268/6 N, phường 12, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Nhứt T2 – SN: 1969 và Huỳnh Thị H – SN: 1970 (HKTT: phường T, B, Đồng Nai – là 02 vợ chồng) cùng đứng tên thuê thửa đất số 470, tờ số 15 xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai của ông Đàm Quang M – SN: 1961 và bà Phạm Thị M – SN: 1974 (cùng ngụ: ấp 3, xã L, T, Đồng Nai); thời hạn thuê: 20 năm; giá thuê: 36.000.000đ/năm (Hợp

đồng thuê được Chứng thực tại UBND xã L – số 111, quyển số 01/2009TP/CC-SCT/HĐGD ngày 06/05/2009). Sau khi thuê đất, ông Tvà bà H xây dựng nhà xưởng để thực hiện sản xuất trần thạch cao nhưng không hiệu quả nên ngày 07/08/2014, Huỳnh Nhứt T2 và Huỳnh Thị H ký hợp đồng số 01/2014/HĐTNX (công chứng tại UBND xã L) với Thân Đức T (SN: 1982, HKTT: phường 12, quận T, thành phố Hồ Chí Minh), thỏa thuận cho Thân Đức T thuê đất và nhà xưởng trong thời gian 10 năm với giá thuê 45.000.000đ/tháng (cứ 03 năm tăng 10%; trong thời gian ông T lắp đặt máy móc không phải trả tiền thuê kho). Tiền thuê tính từ tháng 06/2016 đến 2019, Thân Đức T đã chi trả tiền thuê kho cho T2 và H số tiền 1.726.000.000đ. Cụ thể:

+ Tiền cọc 225.000.000đ (giao tiền mặt);

+ Tiền thuê từ tháng 06/2016 đến tháng 12/2018 được trả qua tài khoản của Huỳnh Nhứt T tại ngân hàng Sacombank (tài khoản số: 060107439301) như sau: năm 2016: 285.000.000đ, năm 2017: 640.000.000đ, năm 2018: 476.000.000đ;

+ Năm 2019, trả tiền kết thúc hợp đồng thuê: 100.000.000đ (tiền mặt);

Sau khi thuê xưởng và lắp đặt máy móc sản xuất viên nén từ bột cưa; ngày 28/10/2016, Thân Đức T và Công ty KNT VINA (MST: 3603403815; địa chỉ: thôn 4, ấp T, xã B, T, Đồng Nai - do ông Kim Kyung S, Quốc tịch Hàn Quốc, Passport: M76209964) ký hợp đồng góp vốn sản xuất, kinh doanh số 01/2016/HĐHTSXKD. Nội dung thỏa thuận góp vốn hợp tác sản xuất, kinh doanh cụ thể như sau:

- Thân Đức T góp vốn mặt bằng (theo hợp đồng số 01/2014/HĐTNX với ông T2, bà H) và máy móc thiết bị doT lắp đặt gồm (01 lò sấy, 3 máy ép viên, 01 trạm cân 80 tấn, 01 máy băm, 6 bộ nghiền thô, 01 máy sàng mùn cưa, 01 máy sàng dăm bào, 01 xe xúc, 01 xe nâng 2,5 tấn, 4 tủ điện).

- Công ty KNT VINA trả trước bằng tiền mặt: 500.000.000đ tiền đặt cọc; số tiền lợi nhuận hàng tháng Công ty KNT VINA chia cho T như sau:

+ 100.000.000đ/tháng từ ngày ký hợp đồng đến ngày 27/10/2017;

+ 105.000.000đ/tháng từ ngày 28/10/2017 đến ngày 27/10/2018;

+ 110.250.000đ/tháng từ ngày 28/10/2018 đến ngày 27/10/2019;

+ 115.762.500đ/tháng từ ngày 28/10/2019 đến hết hợp đồng;

- Ngoài ra, Công ty KNT VINA phải trả cho Thân Đức T tiền mặt bằng nhà xưởng vào ngày 01 hàng tháng (theo hợp đồng số 01/2014/HĐTNX giữa T với T2 và H) và tiền điện, nước theo hóa đơn.

Toàn bộ số tiền Công ty KNT VINA trả Thân Đức T (kể cả tiền thuê mặt bằng của T2, H) bằng tiền mặt, hoặc qua tài khoản ngân hàng số 060055489206 tại ngân hàng Sacombank của Thân Đức T và tài khoản số 19031317373019 tại ngân hàng Tekcombank của (chị Tạ Thị Thu T1– vợ Thân Đức T) như sau: Năm 2016: 289.941.150 đồng; Năm 2017: 1.699.412.021 đồng; Năm 2018: 1.711.970.500 đồng; Năm 2019: 549.990.000 đồng.

Căn cứ, tài liệu chứng cứ thu thập được chứng minh bản chất việc thỏa thuận góp vốn hợp tác sản xuất, kinh doanh giữa Thân Đức T và Công ty KNT VINA thực chất là hợp đồng cho thuê tài sản; số tiền Công ty KNT VINA thanh toán cho Thân Đức T là tiền trả chi phí thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị.

Quá trình điều tra các bị cáo Thân Đức T, Huỳnh Nhứt T2 và Huỳnh Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Kết luận giám định tư pháp số 9124/KL-CTDON ngày 06/07/2022 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai xác định:

- Số tiền thuế và phí, lệ phí Huỳnh Nhứt T2, Huỳnh Thị H phải nộp (tổng cộng: **174.900.000** đồng), gồm:

+ Thuế Giá trị gia tăng phải nộp: **86.300.000** đồng;

+ Thuế Thu nhập cá nhân phải nộp: **86.300.000** đồng;

+ Lệ phí môn bài phải nộp: **2.300.000** đồng.

- Số tiền thuế và phí, lệ phí Thân Đức T phải nộp (tổng cộng: **428.431.368** đồng), gồm:

+ Thuế Giá trị gia tăng phải nộp: **212.565.684** đồng;

+ Thuế Thu nhập cá nhân phải nộp: **212.565.684** đồng;

+ Lệ phí môn bài phải nộp: **3.300.000** đồng.

Tại cáo trạng số: 73/CT-VKS-HS ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Thân Đức Tiến về tội *"Trốn thuế"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Huỳnh Nhứt T2 và Huỳnh Thị H về tội *"Trốn thuế"* quy định tại điểm a khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Thân Đức T mức án từ 01 (một) đến 01 (năm) 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 02 (năm) 06 (sáu) tháng.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 200; Điều 17; Điều 58; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Huỳnh Nhứt T2 và Huỳnh Thị H mức án từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng.

Về biện pháp tư pháp:

Bị cáo Thân Đức T tự nộp số tiền 442.532.000đ (bốn trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) để khắc phục số tiền thuế đã trốn nộp. Cơ quan CSĐT Công an huyện Thống Nhất chuyển số tiền 428.432.000đ (bốn trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng) vào tài khoản ngân sách của Kho bạc Nhà nước huyện Thống Nhất số tài khoản 3949.0.1036368.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất ngày 20/10/2022.

Các bị cáo Huỳnh Nhứt 2 và Huỳnh Thị H đã tự nộp số tiền trốn thuế là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền trốn thuế (*theo biên lai thu tiền số 0005530 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai).*

Các bị cáo Huỳnh Nhứt T và Huỳnh Thị H còn phải nộp số tiền 154.900.000đ (một trăm năm mươi tư nghìn chín trăm đồng) còn lại để khắc số thuế và lệ phí đã trốn.

* Phát biểu của Luật sư bào chữa cho bị cáo Thân Đức T:

Luật sư thống nhất quan điểm với Viện kiểm sát về tội danh và không có ý kiến tranh luận vì hành vi của bị cáo thực hiện là đúng người đúng tội. Tuy nhiên về phần kết luận giám định để tính số tiền trốn thuế của bị cáo theo kết luận giám định như cơ quan giám định đã cộng dồn số tiền của Công ty KNT VINA chuyển cho Thân Đức T là không phù hợp, vì thực tế số tiền Công ty KNT VINA chuyển cho Thân Đức T có bao gồm cả tiền thuê nhà xưởng chuyển cho ông T2 bà H hợp đồng cho thuê nhà xưởng giữa bị cáo T và Công ty KNT VINA công ty này biết nhà xưởng không phải của bị cáo T mà do bị cáo thuê lại, vì vậy số tiền tính thuế chỉ tính trên số tiền thu nhập thực tế của bị cáo T. Ngoài ra kết luận giám định không hợp lý vì gộp chung lệ phí môn bài để tính tiền thuế. Người giám định đã xác định môn bài chỉ là lệ phí không phải thuế nên không thể xác định đây là khoản tiền trốn thuế. Đối với khoản tiền đặt cọc 500.000.000đ là khoản tiền phạt chứ không phải thu nhập khác. Theo quy định thì khoản tiền phạt thì không phải chịu thuế giá trị gia tăng. Từ những phân tích trên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại đối với số tiền trốn thuế của bị cáo T để bảo vệ quyền lợi cho bị cáo.

* *Lời nói sau cùng của bị cáo:* Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, nhưng người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, xét lời khai của bị cáo là phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2019, tại ấp 3, xã L, T, Đồng Nai; Thân Đức T, Huỳnh Nhứt T2, Huỳnh Thị H có hành vi trốn thuế như sau: Thân Đức T số tiền là **425.131.368** đồng và **3.300.000** đồng lệ phí môn bài; Huỳnh Nhứt T2, Huỳnh Thị H cùng trốn thuế số tiền là **172.600.000** đồng và **2.300.000** đồng lệ phí môn bài.

Thuế là khoản thu mà Nhà nước buộc các cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp vào

ngân sách nhà nước tuân theo các quy định của pháp luật. Hành vi của các bị cáo là không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ khai thuế; nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hoặc ngày hết thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chính sách pháp luật của Nhà nước về thuế theo điểm b khoản 2 và điểm a khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật và không oan sai cho các bị cáo.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý nhà nước về thuế, gây thất thu ngân sách và thiệt hại tiền thuế cho Nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của nhà nước. Vì vậy, cần có mức án nghiêm tương xứng với hành vi của các bị cáo, nhằm mục đích răn đe giáo dục và phòng ngừa chung là cần thiết.

[3] Xét nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo T đã tự nguyện nộp lại toàn bộ và bị cáo Huỳnh Nhứt T2, Huỳnh Thị H đã tự nguyện nộp một phần số tiền trốn thuế để khắc phục hậu quả, các bị cáo phạm tội do thiếu sự hiểu biết pháp luật về lĩnh vực thuế phí. Ngoài ra bị cáo Huỳnh Nhứt T2 và Huỳnh Thị H có điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn có chính quyền địa phương xác nhận, ngoài ra trong cuộc sống các bị cáo đã có nhiều hoạt động thiện nguyện giúp đỡ cho những người khó khăn ở địa phương đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên xét thấy cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, tình hình kinh doanh gặp khó khăn sau dịch bệnh nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo ở mức khởi điểm là phù hợp với quy định pháp luật. Trong vụ án này bị cáo T2 và H là vợ chồng nên phạt một người cũng đủ tính răn đe trước pháp luật.

[5] Về quyết định hình phạt:

Trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện tội phạm nhưng xem xét hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo cụ thể là số tiền trốn thuế khi lượng hình để phân hóa tội phạm .

Bị cáo Thân Đức T thực hiện hành vi phạm tội ở khoản 2 Điều 200 số tiền trốn thuế cao hơn các bị cáo khác nên hình phạt đối với bị cáo phải cao hơn các bị cáo khác, tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi bị phát hiện đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế theo quy định, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội

một thời gian mà nên xử bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách cũng đủ răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo Huỳnh Nhứt T2 và Huỳnh Thị H có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận, ngoài ra 2 bị cáo có mối quan hệ là vợ chồng, phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật, mặc dù chưa khắc phục được hoàn toàn số tiền thuế đã trốn, tuy nhiên các bị cáo cũng trình bày hiện nay gia đình gặp nhiều khó khăn, bị cáo H bị bệnh phải điều trị thường xuyên không thể lao động, bị cáo T2 là lao động chính trong gia đình, bị cáo còn nuôi các con đang trong độ tuổi đi học để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà nên xử các bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách cũng đủ răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6]. Về Biện pháp tư pháp:

Bị cáo Thân Đức T tự nguyện nộp số tiền 442.532.000đ (bốn trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) để khắc phục số tiền thuế đã trốn nộp. Cơ quan CSĐT Công an huyện Thống Nhất chuyển số tiền 428.432.000đ (bốn trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng) vào tài khoản ngân sách của Kho bạc Nhà nước huyện Thống Nhất số tài khoản 3949.0.1036368.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất ngày 20/10/2022.

Các bị cáo Huỳnh Nhứt T2 và Huỳnh Thị H đã tự nộp số tiền trốn thuế là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền trốn thuế (*theo biên lai thu tiền số 0005530 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai).*

Các bị cáo Huỳnh Nhứt T2 và Huỳnh Thị H còn phải nộp số tiền 154.900.000đ (một trăm năm mươi tư nghìn chín trăm đồng) còn lại để khắc số thuế và lệ phí đã trốn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa là phù hợp với tài liệu chứng cứ của vụ án nên chấp nhận.

[8] Xét lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo Thân Đức T tại phiên tòa hôm nay không tranh luận về tội danh, tuy nhiên đối với những ý kiến của Luật sư về số tiền tính thuế của bị cáo T về số tiền bị cáo đã nhận và chuyển lại cho bị cáo T2 và H để thanh toán số hợp đồng là số tiền thực tế bị cáo đã được nhận vì vậy đây cũng được coi là số tiền tính thuế đối với bị cáo, số tiền 500.000.000đ là số tiền cọc giữa Công ty KNT VINA và Thân Đức T để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng, tuy nhiên công ty này đã tự đơn phương chấm dứt hợp đồng thì số tiền đặt cọc đương nhiên là khoản thu nhập mà Thân Đức T được hưởng sau khi hai bên chấm dứt hợp đồng. Số tiền trốn thuế được tính là khoản tiền thuế và các khoản lệ phí phải nộp theo người giám định đã trình bày tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật. Vì vậy xét quan điểm của Luật sư bào chữa là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Thân Đức T phạm tội *"Trốn thuế";* căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Huỳnh Nhứt T2và Huỳnh Thị H phạm tội *"Trốn thuế"*

2.Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 200, điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Thân Đức T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Giao bị cáo Thân Đức T cho UBND phường 12, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 200, điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Nhứt T2 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Huỳnh Nhứt T2 và Huỳnh Thị H cho Ủy ban nhân dân phường phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: "Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

[3]. Về Biện pháp tư pháp:

Bị cáo Thân Đức T tự nguyện nộp số tiền 442.532.000đ (bốn trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) để khắc phục số tiền thuế đã trốn nộp. Cơ quan CSĐT Công an huyện Thống Nhất chuyển số tiền 428.432.000đ (bốn trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng) vào tài khoản ngân sách của Kho bạc Nhà nước huyện Thống Nhất số tài khoản 3949.0.1036368.00000 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất ngày 20/10/2022. Nộp ngân sách nhà nước.

Các bị cáo Huỳnh Nhứt T2 và Huỳnh ThịH đã tự nguyện nộp số tiền trốn thuế là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền trốn thuế (*theo biên lai thu tiền số 0005530 ngày 23/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai).*Nộp ngân sách nhà nước.

Buộc các bị cáo Huỳnh Nhứt T2 và Huỳnh Thị H còn phải nộp số tiền 154.900.000đ (một trăm năm mươi tư nghìn chín trăm đồng) còn lại để khắc số thuế và lệ phí đã trốn. Nộp vào ngân sách nhà nước.

[4]. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, ngườiphải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận**:*
- *TAND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND huyện Thống Nhất;*
- *Công an huyện Thống Nhất;*
- *CC.THADS huyện Thống Nhất;*
- *Bị cáo;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Thành